

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BẮC TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/DSST**

Ngày 31/7/2018

*V/v: Đòi tài sản cho vay*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà;

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đỗ Mạnh Điền; ông Nguyễn Hữu Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017, về việc “Đòi tài sản cho vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST-DS ngày 02/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HPT ngày 18/5/2018 ; Thông báo thay đổi người tiến hành tố tụng số 33A/2018/DSST-QĐ ngày 20/6/2018 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 10/7/2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** 1. Anh Khúc Hải N, sinh năm 1960;

2. Chị Trịnh Thị Na, sinh năm 1965;

Cùng trú tại: Số nhà 10, ngõ 75/143, Tổ 6, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Lam S, sinh năm 1986; Trú tại: Số 6, hẻm 75/69/2 đường Phú Diễn, Tổ 4, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và các lời hai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Khúc Hải N và chị Trịnh Thị Na trình bày:**

Anh, chị là vợ chồng, do quen biết gia đình anh Nguyễn Lam S, nên khoảng cuối năm 2012 vợ chồng anh chị đã cho anh S vay 180.000.000 đồng để anh S giải quyết công việc gia đình và làm ăn. Sau đó năm 2013 và 2014 anh S

nhiều lần vay tiền anh chị, đến ngày 05/8/2015 anh S viết giấy biên nhận gộp các khoản vay trước đó, tổng cộng là 1.050.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 05/8/2016. Ngày 25/9/2015 anh S đến nhà anh chị vay tiếp 1.100.000.000 đồng (số tiền này nhận làm 3 đợt; Đợt 1: 200.000.000 đồng; Đợt 2: 300.000.000 đồng; Đợt 3: 600.000.000 đồng); thời hạn trả nợ là ngày 25/9/2016. Tổng cộng hai lần vay là 2.150.000.000 đồng, khi vay hai bên không thoả thuận về lãi suất. Trong quá trình vay, anh S tự nguyện trả 03 tháng tiền lãi cho anh chị là 193.500.000 đồng, sau đó anh S không trả lãi nữa.

Từ cuối năm 2012 đến nay, anh S không trả tiền nợ gốc cho anh chị. Anh chị đã nhiều lần yêu cầu anh S trả tiền nhưng anh S đều né tránh không trả. Vì vậy, giữa năm 2017 anh chị đã tố cáo anh S đến Công an quận Bắc Từ Liêm giải quyết nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự nên anh chị khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm yêu cầu anh S phải trả số tiền đã vay của hai lần là 2.150.000.000 đồng theo hai giấy biên nhận ngày 05/8/2015 và ngày 25/9/2015. Anh chị yêu cầu anh S phải trả tiền lãi suất của khoản nợ gốc từ ngày 26/12/2015 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Về việc anh S khai đã trả chúng tôi số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng là không đúng. Do anh S chưa trả chúng tôi bất cứ khoản tiền nợ gốc nào nên ngày 05/8/2015 anh S mới tự tay viết giấy biên nhận gộp toàn bộ nợ gốc trước đó thành khoản nợ 1.050.000.000 đồng. Sau đó ngày 25/9/2015 anh S vay tiếp chúng tôi số tiền 1.100.000.000 đồng. Đến nay anh S chưa trả cho chúng một đồng nợ gốc nào. Do đó việc anh S khai đã trả nợ gốc cho chúng tôi là không đúng.

Ngày 24/7/2018 anh Khúc Hải N và chị Trịnh Thị Na có đơn trình bày thay đổi mức và ngày tính lãi đối với hai giấy biên nhận nợ trên. Cụ thể:

Đối với Giấy biên nhận ngày 05/8/2015 anh N, chị Na yêu cầu tính lãi là 9%/năm đối với số tiền vay là 1.050.000.000 đồng, thời điểm tính lãi là ngày 06/8/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử (31/7/2018) là 23 tháng 24 ngày bằng 187.125.000 đồng;

Đối với Giấy biên nhận ngày 25/9/2015 anh N, chị Na yêu cầu tính lãi là 9%/năm đối với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, thời điểm tính lãi là ngày 26/9/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử (31/7/2018) là 22 tháng 04 ngày bằng 182.000.000 đồng;

**Tại bản tự khai ngày 02/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Lam S trình bày:**

Anh có vay của ông Khúc Hải N tổng số tiền là 2.150.000.000đ (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể ngày 05/8/2015 anh vay số tiền là 1.050.000.000 đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 29/5/2015

anh vay số tiền là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng). Trong quá trình vay tiền hai bên tự nguyện vay và tự nguyện cho vay, không ai ép buộc. Anh vay số tiền trên mục đích là để làm ăn, kinh doanh buôn bán. Thời gian đầu anh làm ăn tốt nên có trả lãi cho ông N đầy đủ trong khoảng bốn năm. Số tiền trên anh đã thanh toán cho ông N khoảng 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) tiền gốc, làm nhiều lần trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015, anh không nhớ chính xác. Vì tin tưởng nên khi trả tiền gốc anh không yêu cầu ông N ký giấy biên nhận. Nay ông N khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền gốc là 2.150.000.000 đồng là không đúng. Thực tế anh đã trả ông N số tiền 1.800.000.000 đồng, nên chỉ còn lại số tiền gốc là 350.000.000 đồng mà thôi. Ông N nhiều lần đến nhà yêu cầu trả nợ anh đã trao đổi ông N trừ cho anh số tiền 1.800.000.000 đồng, còn lại số tiền 350.000.000 đồng, anh sẽ thu xếp trả nhưng ông N không đồng ý. Việc ông N khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền trên là không đúng, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho hai bên để mọi việc được sáng tỏ, đúng sự thật.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn anh N, chị Na giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Lam S phải trả số tiền đã vay của hai lần là 2.150.000.000 đồng. Cụ thể:

Giấy biên nhận ngày 05/8/2015 anh chị yêu cầu tính lãi 9%/năm trên số tiền vay 1.050.000.000 đồng, thời điểm tính lãi là ngày 06/8/2016 đến ngày Tòa xét xử (31/7/2018) là 23 tháng 24 ngày bằng 187.125.000 đồng tiền lãi;

Giấy biên nhận ngày 25/9/2015 anh chị yêu cầu tính lãi 9%/năm trên số tiền vay 1.100.000.000 đồng, thời điểm tính lãi là ngày 26/9/2016 đến ngày Tòa án xét xử (31/7/2018) là 22 tháng 04 ngày bằng 182.000.000 đồng tiền lãi;

Bị đơn, anh Nguyễn Lam S vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

#### **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:**

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán cơ bản đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền; Xác định người tham gia tố tụng đầy đủ; Việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định; Việc giải quyết vụ án là đúng thời hạn xét xử; Việc giao quyết định xét xử và hồ sơ nghiên cứu đúng quy định; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của

mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh S phải trả cho anh N, chị Na số tiền nợ gốc là 2.150.000.000 đồng; Về yêu cầu tính lãi theo giấy biên nhận ngày 05/8/2015 từ ngày 06/8/2016 và theo giấy biên nhận ngày 25/9/2015 từ ngày 26/9/2016 đến thời điểm xét xử là 9%/năm của anh N, chị Na là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản cho vay, bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Lam S cư trú tại số 6, hẻm 75/69/2 đường Phú Diễn, Tổ 4, phường P, quận Bắc TL, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Bắc TL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần báo gọi, triệu tập, thông báo hòa giải đối với anh S nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa. Do đó Tòa án căn cứ Điều 177, Điều 178 và Điều 179 thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân, cơ quan tổ chức và niêm yết công khai các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh S đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

Về nội dung vụ án: Anh N, chị Na cho anh S vay số tiền 2.150.000.000 đồng được lập thành văn bản theo hai giấy biên nhận ngày 05/8/2015 và ngày 25/9/2015, đứng tên người nhận tiền là Nguyễn Lam S. Theo đó, tại bản tự khai ngày 02/12/2017 anh S xác nhận anh có vay của anh N số tiền 1.050.000.000 đồng, hẹn đến ngày 05/8/2016 thanh toán và số tiền 1.100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/9/2016 thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án anh S có lời khai đã trả cho anh N, chị Na số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng nhưng anh không đưa ra được chứng cứ hợp pháp chứng minh việc mình đã trả cho anh N, chị Na số tiền nêu trên. Vì vậy, việc anh N, chị Na yêu cầu anh S phải trả cho anh chị số tiền nợ gốc là 2.150.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu về lãi của anh N, chị Na, cụ thể: Anh N, chị Na yêu cầu số nợ lãi là 9%/năm kể từ ngày 06/8/2016 đối với số tiền 1.050.000.000 đồng và ngày

26/9/2016 đối với số tiền 1.100.000.000 đồng, là ngày đến hạn thanh toán số nợ gốc mà anh S không thanh toán đến nay và tiếp tục tính lãi theo lãi suất này đến khi anh S thanh toán xong nợ gốc. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thấy yêu cầu trên là phù hợp, cần được chấp nhận và cần buộc anh S phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền trên như sau:

Số tiền lãi từ ngày 06/8/2016 đến ngày xét xử 31/7/2018 của số tiền 1.050.000.000 đồng, cụ thể:  $(1.050.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 715)/360 = 187.687.500$  đồng; Tiền lãi từ ngày 26/9/2016 đến ngày xét xử 31/7/2018 của số tiền 1.100.000.000 đồng, cụ thể:  $(1.100.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 666)/360 = 183.150.000$  đồng. Tổng cộng tiền lãi anh S phải thanh toán cho anh N, chị Na là 370.837.500 đồng.

Về án phí, Anh Nguyễn Lam S phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán cho anh N, chị Na. Do yêu cầu khởi kiện của anh N, chị Na được chấp nhận nên hoàn trả cho anh N, chị Na số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2003; Khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Khúc Hải N và chị Trịnh Thị Na đối với anh Nguyễn Lam S.

2. Buộc anh Nguyễn Lam S phải thanh toán cho anh Khúc Hải N và chị Trịnh Thị Na tổng số tiền là **2.520.837.500đ** (*Hai tỷ năm trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là **2.150.000.000đ** (*Hai tỷ một trăm lăm mươi triệu đồng*); Nợ lãi là **370.837.500đ** (*Ba trăm bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án của người được thi hành án nếu bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bị

đơn còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Anh Nguyễn Lam S phải chịu **82.416.750đ** (*Tám mươi hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Khúc Hải N số tiền **40.500.000đ** (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 05548 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

Án xử công khai, sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án DS Q. Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Sơn Hà**